

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN MÁY VÀ TỰ ĐỘNG CÔNG NGHIỆP
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: MÁY VÀ TỰ ĐỘNG CÔNG NGHIỆP

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ

MÃ NGÀNH: 7520103

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	29
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	30
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	31
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	33
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	33
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	38
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	45
2.4. Tóm tắt các học phần	48

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Máy và tự động công nghiệp do Khoa máy tàu biển xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Máy và tự động công nghiệp
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	124
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Chuyên ngành Máy và Tự động công nghiệp đào tạo về điều khiển tự động hóa bằng điện- thủy lực- khí nén cho các thiết bị máy móc và hệ thống trong các ngành công nghiệp.

Chuyên ngành Máy và Tự động công nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ để giúp cho sinh viên thiết kế, lắp đặt được các dây chuyền máy móc sản xuất tự động hóa, cải tiến và nâng cấp các hệ thống máy móc trong các nhà máy- xây dựng quy trình sản xuất tự động hóa theo các tiêu chuẩn, triển khai và vận hành các loại thiết bị và hệ thống tự động trong các nhà máy liên quan. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng và thái độ, tác phong làm việc để hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các máy móc và hệ thống tự động trong công nghiệp.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Chuẩn đầu ra

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán cao cấp	K1, 3a	3.0
1.1.1.1	Vận dụng để giải các bài toán về vi phân hàm nhiều biến và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.1.1.2	Vận dụng để giải các bài toán về tích phân kép, tích phân đường loại hai và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		2.5
1.1.1.3	Vận dụng để giải các bài toán về phương trình vi phân và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.1.1.4	Vận dụng để giải các bài toán về các bài toán đại số về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.1.2	Vật lý 1	K1, 3a	3.0
1.1.2.1	Biết được các khái niệm, định lý, định luật, tiên đề trong cơ học cổ điển, cơ học tương đối và nhiệt động lực học		2.0
1.1.2.2	Hiểu được các hiện tượng trong cơ học cổ điển, cơ học tương đối và nhiệt động lực học làm cơ sở cho sinh viên tiếp thu các môn		2.0

	kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành một cách thuận lợi.		
1.1.2.3	Có khả năng giải thích, phân loại và tính các bài toán liên quan đến môn học		3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, Khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin I	K2, 3i	3.0
1.2.1.1	Hiểu được bản chất của thế giới theo quan điểm của triết học Mác - Lênin. Vận dụng để xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của bản thân trong nhận thức và thực tiễn.		2.0
1.2.1.2	Hiểu được quan điểm của triết học Mác - Lênin về sự liên hệ, vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Vận dụng vào thực tiễn.		2.5
1.2.1.3	Hiểu về các quy luật xã hội theo quan điểm của triết học Mác - Lênin. Vận dụng vào thực tiễn, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác và nhân dân ta đã lựa chọn.		3.0
1.2.2	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin II	K2, 3i	3.0
1.2.2.1	Có khả năng hiểu các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN.		2.5
1.2.2.2	Có khả năng hiểu lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về hình thái kinh tế xã hội Cộng sản Chủ nghĩa.		2.5
1.2.2.3	Có khả năng vận dụng để hiểu và tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.		3.0
1.2.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2, 3i	3.5
1.2.3.1	Có khả năng biết, hiểu và nắm vững nguồn gốc bản chất, quá trình hình thành phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thấy rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và thế giới		3.0
1.2.3.2	Có khả năng phân tích những vấn đề có tính quy luật phổ biến trong quá trình thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, dân chủ và xây dựng CNXH ở Việt Nam.		3.0
1.2.3.3	Có khả năng nhận diện những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, từ đó có ý thức trách nhiệm hơn trong việc xây dựng và		3.5

	bảo vệ Tổ quốc giàu, đẹp. Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng kỹ năng tự học, nghiên cứu và giải quyết một số vấn đề cụ thể, rèn luyện đạo đức của bản thân		
1.2.4	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	K2, 3i	3.5
1.2.4.1	Hiểu biết về cơ sở lịch sử, quá trình hình thành và nội dung đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng từ năm 1930 đến năm 1975.		3.5
1.2.4.2	Hiểu biết về điều kiện lịch sử quá trình hình thành và nội dung đường lối cách mạng XHCN của Đảng từ năm 1975 đến nay.		3.5
1.2.4.3	Đánh giá được đường lối cách mạng của Đảng từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam		3.5
1.2.5	Pháp luật đại cương	K2, 3i	2.5
1.2.5.1	Người học có những hiểu biết cơ bản về về Nhà nước và pháp luật (đặc biệt là một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam).		2.0
1.2.5.2	Thông qua các kiến thức pháp luật, người học nhận thức được hành vi nào hợp pháp, hành vi nào bất hợp pháp; từ đó nâng cao đạo đức, trau dồi nhân cách và có trách nhiệm với xã hội. Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, tài liệu nghiên cứu về chủ đề luật học trên internet.		2.5
1.2.5.3	Có khả năng tham gia làm việc nhóm hiệu quả; chuẩn bị thuyết trình với phương tiện hỗ trợ; tiếp thu thông tin, yêu cầu thông tin và tôn trọng các ý kiến khác nhau.		3.0
1.2.5.4	Nhận thức được giá trị của pháp luật đối với hoạt động nghề nghiệp và xã hội. Nhận diện các yếu tố tác động tới pháp luật, tôn trọng sự đa dạng về văn hóa pháp lý giữa các hệ thống pháp luật khác nhau.		3.0
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Nhập môn về kỹ thuật	K1, 3f	3.0
1.3.1.1	Cung cấp các kiến thức về các ngành nghề kỹ thuật, vị trí, vai trò và cơ hội nghề nghiệp của kỹ sư tương lai trong bối cảnh toàn cầu hóa.		2.0
1.3.1.2	Tạo và khuyến khích phát triển các kỹ năng quan trọng đối với kỹ		2.0

	sur.		
1.3.1.3	Tạo cho sinh viên các thói quen làm việc-học tập một cách sáng tạo, hiệu quả.		3.0
1.3.1.4	Rèn tính học tập nghiêm túc và ý thức đạo đức, kỷ luật.		2.0
1.3.2	Cơ lý thuyết 1	K1, 3a	3.0
1.3.2.1	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: - Các bài toán cân bằng của hệ vật rắn dưới tác dụng hệ lực. - Xác định phản lực liên kết, nội lực của các mặt cắt, tìm điều kiện cân bằng của vật rắn khi không có ma sát và khi có ma sát.		2.5
1.3.2.2	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: Các bài toán động học như chuyển động cơ bản của vật rắn, chuyển động song phẳng và hợp chuyển động của điểm.		3.0
1.3.2.3	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: Các bài toán động lực học của hệ một bậc tự do để giải quyết một số vấn đề cơ bản của khối ngành kỹ thuật.		3.0
1.3.3	Hình họa – Vẽ kỹ thuật	K1, 3a	3.0
1.3.3.1	-Giải thích và phân biệt được các phép chiếu: phép chiếu xuyên tâm, phép chiếu song song, phép chiếu thẳng góc. -Ứng dụng phép chiếu thẳng góc: + Biểu diễn điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong hệ thống các mặt phẳng hình chiếu thẳng góc và vị trí tương quan giữa chúng. + Biểu diễn đa diện, đường cong, mặt cong; phân tích các bài toán tìm giao tuyến của hai mặt: đa diện – đa diện, mặt cong – mặt cong, đa diện – mặt cong và xét thấy khuất cho chúng.		3.0
1.3.3.2	-Nắm vững kiến thức về các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ dựa theo việc tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn của Nhà nước và Quốc tế -Nắm vững được các loại hình biểu diễn vật thể. -Xây dựng kỹ năng tư duy không gian và biểu diễn được các hình chiếu của vật thể từ không gian 3 chiều về các hình biểu diễn phẳng 2 chiều. -Xây dựng kỹ năng đọc bản vẽ và tư duy không gian từ các hình biểu diễn phẳng 2 chiều thành vật thể không gian 3 chiều. - Nắm vững cách vẽ và vẽ được hình chiếu trực đo của vật thể từ		3.0

	các hình chiếu thẳng góc.		
1.3.3.3	-Vẽ kỹ thuật cũng như bản vẽ kỹ thuật là ngôn ngữ chuyên tải thông tin trong các ngành kỹ thuật; Giúp người học, người làm có thể giao tiếp với nhau thông qua ngôn ngữ kỹ thuật là bản vẽ kỹ thuật.		2.5
1.3.4	Kỹ thuật điện	K1, 3a	3.5
1.3.4.1	Hiểu nguyên lý biến đổi của các mạch điện để giải thích các hiện tượng hay gặp trong thực tế trong lĩnh vực truyền tải điện năng, đo lường và điều khiển. Nắm chắc các khái niệm và đặc trưng của từng dạng mạch điện nối tiếp, song song, hỗn hợp cơ bản, các khái niệm, cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số máy điện, khí cụ điện. Tính toán thành thạo và chính xác các đại lượng cần tìm của mạch điện trong từng trường hợp cụ thể.		3.5
1.3.5	Kỹ thuật điện tử	K1, 3a	2.0
1.3.5.1	Có khả năng biết và hiểu các khái niệm cơ bản về các linh kiện điện tử, mạch điện tử tương tự thông dụng và các khái niệm cơ bản về mạch số		2.0
1.3.6	Nhiệt kỹ thuật	K1, 3a	3.0
1.3.6.1	Cung cấp, trang bị các khái niệm, nội dung các định luật cơ bản của Nhiệt động học; các qui luật về truyền nhiệt và phương pháp tính.		2.0
1.3.6.2	Sử dụng các kiến thức cơ bản trên vào nghiên cứu, tính toán công/nhiệt các quá trình nhiệt động và trao đổi năng lượng trong các thiết bị năng lượng, các mô hình nguyên lý của các thiết bị năng lượng, giải các bài toán truyền nhiệt cơ bản.		2.5
1.3.6.3	Liên hệ giữa lý thuyết cơ bản với thực tiễn và vận dụng giải quyết các bài toán thực tế.		3.5
1.3.6.4	Hình thành, khuyến khích phát triển tư duy khoa học kỹ thuật trên nền tảng của môn học.		2.0
1.3.6.5	Rèn ý thức kỷ luật, thái độ học tập.		3.0
1.3.7	Kỹ thuật thủy khí	K1, 3a	3.0
1.3.7.1	Áp dụng kiến thức về thủy lực để phân tích lực tác dụng lên các vật trong chất lỏng tĩnh		2.0
1.3.7.2	Phân tích biến đổi năng lượng trong chất lỏng chuyển động và		2.5

	các tổn thất trong quá trình chuyển động		
1.3.7.3	Phân tích các tổn thất năng lượng của dòng chảy		3.0
1.3.7.4	Phân tích lực khi dòng chất lỏng chuyển động trong ống có áp		3.0
1.3.7.5	Mô tả các lực tác dụng lên vật ngập lỏng		3.0
1.3.7.6	Phân tích qui luật chuyển động và năng lượng của dòng tia		3.0
1.3.8	Lý thuyết điều khiển tự động	K1, 3a	3.0
1.3.8.1	Mô tả sơ đồ tổng quát, sơ đồ chức năng. Phân tích các nguyên tắc điều chỉnh cơ bản của một HTTĐĐC		2.5
1.3.8.2	Phân tích các chế độ làm việc tĩnh và động của HTTĐĐC		2.5
1.3.8.3	Thiết lập hàm truyền, hàm tần. Phân tích, vẽ các biểu đồ biểu diễn hàm truyền, hàm tần		2.5
1.3.8.4	Áp dụng hàm truyền và hàm tần để khảo sát bốn phần tử cơ bản của HTTĐĐC		2.5
1.3.8.5	Phân tích các tính chất của đối tượng điều chỉnh		3.0
1.3.8.6	Mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các phần tử cảm ứng, phần tử khuếch đại		3.0
1.3.8.7	Áp dụng nguyên lý của các phần tử cảm ứng, phần tử khuếch đại vào một số bộ điều chỉnh cụ thể		3.0
1.3.8.8	Phân tích tính ổn định và điều kiện ổn định của một HTTĐĐC bất kỳ. Áp dụng với các tiêu chuẩn ổn định		3.0
1.3.9	Vật liệu kỹ thuật	K1, 3a	3.0
1.3.9.1	Kiến thức cơ bản về khoa học vật liệu; công nghệ nhiệt luyện và hóa nhiệt luyện. Kiến thức về vật liệu kim loại: Thép; gang và hợp kim màu. Nhận biết được các loại vật liệu trên và ứng dụng của hợp kim trong công nghiệp. Biết cách xây dựng một số quy trình nhiệt luyện thông dụng cho một số chi tiết điển hình trong ngành cơ khí.		2.5
1.3.9.2	Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức đã học ở lý thuyết vào thực hành các bài về: Xác định các đặc trưng cơ tính vật liệu; Phân tích tổ chức tế vi của vật liệu kim loại và Nhiệt luyện thép. Sau khi thực hành sinh viên sử dụng được một số thiết bị xác định các chỉ tiêu độ cứng độ bền của vật liệu, biết phân tích đánh giá tổ chức của một số vật liệu thông dụng và vận hành sử dụng được thiết bị nhiệt luyện phổ biến		3.0

1.3.9.3	Có kỹ năng biết tìm kiếm thông tin và tinh thần tự học hỏi, nâng cao kỹ năng tính toán và áp dụng các quy trình xử lý nhiệt vào thực tế		3.0
1.3.10	Kỹ thuật gia công cơ khí	K1, 3a	3.0
1.3.10.1	Sinh viên có khả năng nhận thức tổng quan về cách chế tạo phôi bằng phương pháp đúc; công nghệ hàn và cắt kim loại bằng khí; công nghệ chế tạo bằng gia công áp lực; các phương pháp gia công cắt gọt. Biết cách vận dụng kiến thức đã học vào tính toán; xây dựng một số quy trình cụ thể trong thực tế.		3.0
1.3.10.2	Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức đã học ở lý thuyết để vận hành một số máy, bao gồm lắp ráp khuôn đúc, vận hành máy đo siêu âm mối hàn, vận hành máy tiện CNC.		3.0
1.3.10.3	Có kỹ năng biết tìm kiếm thông tin và tinh thần tự học hỏi, nâng cao kỹ năng tính toán và áp dụng các quy trình gia công vào thực tế		3.0
1.3.11	Sức bền vật liệu 1	K1, 3a	3.5
1.3.11.1	Hiểu được cơ chế làm việc của vật liệu dưới tác dụng của các nhân tố bên ngoài. Nắm được các kiến thức cần thiết về nội lực, ứng suất, biến dạng để biết cách phân tích, đánh giá được sự chịu lực của các cấu kiện cơ bản.		3.0
1.3.11.2	Hiểu về phương pháp tính toán độ bền, độ cứng, độ ổn định của kết cấu dạng thanh. Biết cách tính toán sao cho chúng làm việc an toàn với chi phí tiết kiệm nhất .		3.0
1.3.11.3	Có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Sức bền vật liệu trong lĩnh vực cơ khí, xây dựng.		3.5
1.3.12	Thực tập cơ khí	K1, 3a	3.0
1.3.12.1	Hiểu nắm rõ được các kỹ thuật gia công cơ khí		3.0
1.3.12.2	Hiểu, nắm rõ và thực hiện được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật gia công cơ khí.		3.0
1.3.12.3	Hiểu và nắm rõ quy trình sản xuất, tổ chức thực hiện một quá trình sản xuất Tổ chức tốt về an toàn lao động		3.0
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Bơm, quạt, máy nén	K1, 3f	3.0
1.4.1.1	Áp dụng các kiến thức chung về bơm		2.5
1.4.1.2	Áp dụng kiến thức về bơm cánh dẫn, tính toán lắp đặt bơm.		2.5

1.4.1.3	Áp dụng các kiến thức về bơm thể tích, tính toán lắp đặt bơm.		2.5
1.4.1.4	Áp dụng các kiến thức về quạt, tính toán lắp đặt quạt cho hệ thống.		2.5
1.4.1.5	Áp dụng các kiến thức về máy nén, tính toán lắp đặt máy nén cho hệ thống.		3.0
1.4.1.6	Lập luận và giải quyết vấn đề trong thực tế về bơm, quạt, máy nén.		3.0
1.4.2	Truyền động điện và điện tử công suất	K1, 3f	3.0
1.4.2.1	Có khả năng hiểu được những kiến thức cơ bản về điện tử công suất và các kiến thức chung nhất về cơ sở truyền động điện như các phần tử bán dẫn công suất , chỉnh lưu diode , chỉnh lưu thiristor , nguyên tắc hoạt động của bộ điều chỉnh điện áp một chiều , bộ điều chỉnh điện áp xoay chiều , thiết bị biến tần. Đặc tính cơ của các động cơ điện , điều chỉnh tốc độ động cơ điện và tính chọn công suất cho một hệ truyền động điện trong công nghiệp		3.0
1.4.3	Truyền động khí nén	K1, 3f	3.0
1.4.3.1	Phân tích cơ sở lý thuyết về hệ thống khí nén. Mô tả cấu trúc cơ bản của hệ thống		2.5
1.4.3.2	Phân tích các thiết bị trong hệ thống điều khiển của hệ thống khí nén		2.5
1.4.3.3	Phân tích các thiết bị trong cơ cấu chấp hành của hệ thống khí nén		2.5
1.4.3.4	Áp dụng vào ứng dụng của hệ thống khí nén trong thực tế		2.5
1.4.3.5	Phân tích phương pháp thiết kế hệ thống điều khiển bằng khí nén		3.0
1.4.3.6	Áp dụng thiết kế hệ thống điều khiển khí nén bằng PLC		3.0
1.4.4	Máy điện- Thiết bị điện	K1, 3f	3.5
1.4.4.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về lý thuyết của các loại máy điện, khí cụ điện. Biết đọc, hiểu các ký hiệu, các thông số, đại lượng định mức ghi trên biển máy hay trong lý lịch của các khí cụ điện. Biết phân biệt cấu trúc và cấu tạo cũng như hoạt động của các máy điện, khí cụ điện. Biết đo đạc, đánh giá chất lượng, sử dụng chúng.		3.5
1.4.5	Truyền động thủy lực	K1, 3f	3.0

1.4.5.1	Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng, lắp đặt một số loại khớp nối và biến tốc thủy lực		3.0
1.4.5.2	Áp dụng kiểm thức về loại khớp nối và biến tốc thủy lực để khai thác và vận hành các khớp nối và biến tốc thủy lực trong công nghiệp		3.0
1.4.5.3	Phân tích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và đặc tính của các thiết bị trong hệ thống thủy lực thể tích, liệt kê các phương pháp điều chỉnh vận tốc cơ cấu chấp hành, các mạch thủy lực cơ bản và ứng dụng.		3.0
1.4.6	Thiết kế hệ thống thủy lực-khí nén	K1, 3f	3.0
1.4.6.1	Áp dụng các kiến thức về thủy lực và khí nén để phân tích ưu và nhược điểm của hệ thống điều khiển thủy lực và khí nén		2.5
1.4.6.2	Phân tích các phương pháp điều khiển trong hệ thống điều khiển bằng thủy lực và khí nén		3.0
1.4.6.3	Áp dụng các kiến thức về các phần tử thủy lực để thiết hệ thống điều khiển bằng thủy lực		3.0
1.4.6.4	Áp dụng các kiến thức về các phần tử thủy lực để thiết hệ thống điều khiển bằng khí nén		3.0
1.4.6.5	Áp dụng các kiến thức về các phần tử thủy lực, khí nén để thiết hệ thống điều khiển tổng hợp		3.0
1.4.7	Hệ thống điều khiển tự động thủy lực	K1, 3f	3.0
1.4.7.1	Sử dụng mạch điều khiển thủy lực, các phần tử trong hệ điều khiển tự động thủy lực		3.0
1.4.7.2	Phân tích và thiết kế các mạch điều khiển tự động thủy lực		3.0
1.4.8	Bảo trì hệ thống thủy khí	K1, 3f	2.5
1.4.8.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý thuyết cánh làm cơ sở để khảo sát đánh giá, khai thác vận hành, tính toán lựa chọn các máy cánh dẫn gồm bơm nước, tuabin nước, quạt công nghiệp, máy nén khí, tua bin khí, các thiết bị truyền động thủy động như khớp nối và biến tốc thủy lực...		2.5
1.4.8.2	Trau dồi kỹ năng tranh luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm		2.5
1.4.9	Ứng dụng PLC để điều khiển các hệ thống thủy khí	K1, 3f	3.5
1.4.9.1	Hiểu và áp dụng nguyên lý hoạt động, cấu trúc và ngôn ngữ lập trình một trạm PLC; Nắm vững cấu trúc phần cứng, kết nối tín		3.5

	hiệu của PLC S7 – 300; Xây dựng hệ thống điều khiển, lập trình với trạm PLC S7 – 300 của hãng Siemens và ứng dụng điều khiển các hệ thống thủy khí.		
1.4.10	Kỹ thuật đo lường	K1, 3f	3.0
1.4.10.1	Tóm tắt các cơ sở lý thuyết về đo lường.		2.5
1.4.10.2	Phân tích và so sánh thiết bị đo các đại lượng hình học.		2.5
1.4.10.3	Phân tích và so sánh thiết bị đo các đại lượng vật lý.		2.5
1.4.10.4	Lập luận và giải quyết vấn đề		3.0
1.4.11	Tiếng Anh chuyên ngành Máy và tự động thủy khí	K1, 3f	3.0
1.4.11.1	Hiểu được các thuật ngữ cơ bản được dùng trong ngành máy và tự động công nghiệp bằng tiếng Anh.		3.0
1.4.11.2	Hiểu được các khái niệm cơ bản về các lĩnh vực khác nhau trong ngành máy và tự động công nghiệp.		3.0
1.4.11.3	Áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các cuộc giao tiếp, phỏng vấn, bằng tiếng Anh về lĩnh vực máy và tự động công nghiệp.		3.0
1.4.12	Nguyên tắc an toàn hệ thống thủy khí	K1, 3f	3.0
1.4.12.1	Mô tả mục đích và phạm vi áp dụng các qui trình an toàn cho hệ thống thủy khí		2.5
1.4.12.2	Phân tích các yêu cầu chung về yêu cầu an toàn khi làm việc với hệ thống thủy khí		3.0
1.4.12.3	Phân tích an toàn khi lắp đặt hệ thống thủy khí		3.0
1.4.12.4	Phân tích an toàn khi vận hành hệ thống thủy khí		3.0
1.4.12.5	Phân tích an toàn khi kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống thủy khí		3.0
1.4.13	Động lực học hệ thống khí-thủy lực	K1, 3a	3.0
1.4.13.1	Áp dụng kiến thức về toán học, cơ học, vật lý, hóa học để phân tích lực và chuyển động của chất khí, chất lỏng		3.0
1.4.13.2	Phân tích cá nguyên lý cơ bản khí – thủy lực, Các định luật biến đổi năng lượng trong chất lỏng chuyển động và các tổn thất trong quá trình chuyển động		3.0
1.4.13.3	Phân tích các tổn hao của dòng chảy		2.5
1.4.13.4	Phân tích kết cấu các phần tử cơ bản		3.0
1.4.13.5	Mô tả các dạng cản trở chuyển động		3.0

1.4.13.6	Phân tích các mạch thủy khí		3.0
1.4.13.7	Lập luận và giải quyết vấn đề trong thực tế về khí, thủy lực		3.0
1.4.14	Robot công nghiệp	K1, 3f	3.0
1.4.14.1	Áp dụng kiến thức về bậc tự do, hệ tọa độ, động học		2.5
1.4.14.2	Phân tích các quỹ đạo chuyển động		3.0
1.4.14.3	Phân tích các hệ truyền động trong robot		3.0
1.4.14.4	Phân tích các vấn đề liên quan đến điều khiển robot		3.0
1.4.15	Thực tập tốt nghiệp (6 tuần)	K1, K4, 3f	3.0
1.4.15.1	Làm quen với các công việc của người kỹ sư tại nhà máy		2.5
1.4.15.2	Đánh giá qui mô sản xuất và ứng dụng của hệ thống thủy khí		3.0
1.4.15.3	Phân tích các chức năng và nguyên lý hoạt động của hệ thống thủy khí trong nhà máy		3.0
1.4.15.4	Phân tích quy trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống		3.0
1.4.15.5	Phân tích một số trường hợp sự cố trong nhà máy		3.0
1.4.16	Đồ án tốt nghiệp	S4, K1, 3f	3.0
1.4.16.1	Lựa chọn tên đề tài phù hợp		2.5
1.4.16.2	Xây dựng đề cương nghiên cứu		3.0
1.4.16.3	Phân tích các dữ liệu thu thập được từ thực tế		3.0
1.4.16.4	Xây dựng đề cương chi tiết của đề tài		3.0
1.4.16.5	Áp dụng kiến thức để viết nội dung đề tài nghiên cứu		3.0
1.5	Kiến thức hỗ trợ khác		
1.5.1	Anh văn cơ bản 1	S6, 3k	2.5
1.5.1.1	Kĩ năng nghe: Có thể nghe hiểu được các diễn ngôn tiêu chuẩn chậm, rõ ràng, với nội dung liên quan và gần gũi với cá nhân (ví dụ: các thông tin cơ bản về bản thân, gia đình, mua sắm...); có thể nghe được các thông tin chính ở các đoạn thông báo, tin nhắn ngắn gọn, rõ ràng và đơn giản		2.5
1.5.1.2	Kĩ năng đọc: Có thể đọc hiểu được các bài đọc ngắn (150-200 từ), đơn giản, với lượng từ vựng và cấu trúc quen thuộc, lặp lại thường xuyên; có thể nhận biết các thông tin cụ thể, dễ đoán xuất hiện ở các tài liệu đơn giản hàng ngày như mục quảng cáo, tờ rao, lịch trình...		2.5

1.5.1.3	Kĩ năng nói: Có thể giao tiếp ở các tình huống hàng ngày đơn giản, trao đổi trực tiếp thông tin về các chủ đề và hoạt động quen thuộc; có thể sử dụng các cụm từ và câu ngắn để mô tả bản thân, gia đình, con người, công việc...		2.5
1.5.1.4	Kĩ năng viết: có thể đặt các câu đơn, ngắn mô tả bản thân, gia đình		2.5
1.5.1.5	Thái độ học tập trên lớp và tự học nghiêm túc, tự giác, năng động và sáng tạo		2.5
1.5.2	Anh văn cơ bản 2	S6, 3k	3.0
1.5.2.1	Kĩ năng nghe: Có thể nghe hiểu được các diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng, có độ dài trung bình với nội dung liên quan và gần gũi trong học tập, giao tiếp hàng ngày (ví dụ: ngôn ngữ, thể thao, thế giới tự nhiên, ...các tình huống mua sắm, khám bệnh, đi du lịch, giao tiếp hàng ngày trên điện thoại...); có thể nghe được các thông tin chính ở các bài phỏng vấn ngắn, các đoạn hội thoại tốc độ trung bình, các chương trình phát thanh		3.0
1.5.2.2	Kĩ năng đọc: Có thể đọc hiểu được các bài đọc có độ dài từ ngắn đến trung bình (200-250 từ), với lượng từ vựng nhiều hơn, cấu trúc đa dạng hơn; có thể nắm bắt các thông tin chính ở các bài báo ngắn về các chủ đề xã hội như thể thao, ngôn ngữ, lối sống, thế giới tự nhiên,...; có thể đọc và hiểu các lời nhắn, thư tín, quảng cáo, các bản mô tả, trích dẫn ngắn gọn...		3.0
1.5.2.3	Kĩ năng nói: Có thể giao tiếp tương đối trôi chảy ở các tình huống hàng ngày đơn giản, trao đổi trực tiếp thông tin về các chủ đề và hoạt động quen thuộc; có thể tự mình trình bày một bài nói về các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, xã hội.		3.0
1.5.2.4	Kĩ năng viết: có thể viết một đoạn văn có độ dài trung bình (80-100 từ) theo các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình; làm quen cấu trúc các loại thư trang trọng và không trang trọng, viết email các chủ đề liên quan đến cá nhân		3.0
1.5.2.5	Thái độ học tập trên lớp và tự học nghiêm túc, tự giác, năng động và sáng tạo		3.0
1.5.3	Anh văn cơ bản 3	S6, 3k	3.5
1.5.3.1	Kĩ năng nghe: Có thể nghe hiểu được các diễn ngôn tiêu chuẩn		3.5

	và rõ ràng, có độ dài trung bình với nội dung liên quan nhiều hơn đến giao tiếp xã hội, công việc (ví dụ: ăn uống, thể thao, tin tức, ...các tình huống giao tiếp trong công ty, trao đổi công việc,...); có thể nghe hiểu được nội dung các bài phỏng vấn , các đoạn hội thoại, các chương trình phát thanh		
1.5.3.2	Kĩ năng đọc: có thể đọc hiểu được các bài đọc dài tương đối (250-300 từ) , với lượng từ vựng và cấu trúc đa dạng, phức tạp ; có thể nắm bắt các thông tin chính ở các bài báo dài về các chủ đề xã hội như thể thao, giao thông, lối sống, văn hóa,...; có thể đọc và hiểu nhanh các lời nhắn, thư tín công việc, quảng cáo, tin tức, ...		3.5
1.5.3.3	Kĩ năng nói: có thể giao tiếp trôi chảy ở các tình huống hàng ngày, trao đổi trực tiếp thông tin về các chủ đề và hoạt động quen thuộc; có thể tự mình trình bày mạch lạc một bài nói về các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, xã hội.		3.5
1.5.3.4	Kĩ năng viết: Có thể viết hoàn chỉnh một đoạn văn có độ dài (100-150 từ) theo các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, nghề nghiệp, xã hội; có thể viết mạch lạc các loại thư trang trọng và không trang trọng, viết email các chủ đề cá nhân và công việc		3.5
1.5.3.5	Thái độ học tập trên lớp và tự học nghiêm túc, tự giác, năng động và sáng tạo		3.5
1.5.4	Tin học văn phòng	K3, 3k	3.0
1.5.4.1	Biết được các thành phần trên giao diện của MS Word 2013. Thực hiện được các thao tác cơ bản về tạo mới, mở và lưu, xuất bản và in ấn tài liệu. Có khả năng thay đổi các tùy chọn (Option) mặc định của Word và Excel.		3.0
1.5.4.2	Có khả năng soạn thảo và thực hiện các thao tác định dạng cho tài liệu, bao gồm định dạng kí tự, định dạng đoạn và định dạng trang văn bản. Có khả năng thao tác với các đối tượng đồ họa và bảng biểu trong Word 2013. Biết cách thực hiện trộn thư trong văn bản.		3.0
1.5.4.3	Có khả năng thực hiện các thao tác kiểm duyệt nội dung, bảo vệ		3.0

	tài liệu, tạo liên kết và tham chiếu cho văn bản trong Word 2013.		
1.5.4.4	<p>Biết được các thành phần trên giao diện của MS Excel 2013.</p> <p>Biết cách tạo bảng tính và thao tác trên các trang tính.</p> <p>Có khả năng nhập, hiệu chỉnh và định dạng dữ liệu cơ bản và nâng cao (định dạng có điều kiện, định dạng bảng) trên bảng tính.</p> <p>Có khả năng sắp xếp và lọc dữ liệu trên bảng tính.</p> <p>Biết cách tạo liên kết trong trang tính.</p> <p>Biết cách định dạng trang in trong Excel.</p>		3.0
1.5.4.5	<p>Có khả năng sử dụng các hàm cơ bản (hàm thống kê, hàm logic, hàm tìm kiếm) để tính toán trên bảng tính Excel.</p> <p>Có khả năng tạo biểu đồ và thêm các đối tượng đồ họa cho bảng tính.</p>		3.0
1.5.5	Tin học chuyên ngành MTDCN	K3, 3k	3.0
1.5.5.1	Áp dụng các kiến thức về sử dụng phần mềm trong thiết kế, vẽ thiết kế 2D trên AutoCad, và 3D Autodesk Inventor		2.5
1.5.5.2	Phân tích và thực hiện các bước thiết kế bản vẽ		3.0
1.5.6	Môi trường và bảo vệ môi trường	K2, 3e	3.0
1.5.6.1	<p>Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p> <p>Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.</p>		3.0
1.5.6.2	Đặt ra được các nguyên tắc đạo đức của bản thân trong việc bảo vệ môi trường		3.0
1.5.6.3	Thực hành kỹ năng làm việc nhóm		2.0
1.5.7	Quản trị doanh nghiệp	K5, 3f	3.0
1.5.7.1	Cung cấp khái niệm về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; Nắm bắt, tư duy có hệ thống và có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động của doanh		3.0

	nghiệp		
1.5.7.2	Sinh viên phân tích được các tình huống QTDN từ nhiều quan điểm khác nhau từ đó tư duy toàn cục các vấn đề trong QTDN		3.0
1.5.8	Nguyên lý máy 1	K1, 3f	3.0
1.5.8.1	<p>Hiểu được cấu trúc của cơ cấu để tính được số bậc tự do của cơ cấu và đưa ra được kết luận</p> <p>Hiểu được nguyên tắc xếp loại cơ cấu để tiến hành xếp loại một số cơ cấu cụ thể theo phương pháp xếp loại CC theo cấu trúc hình học, đó là phương pháp xếp loại có tính hệ thống cao nhất.</p>		3.0
1.5.8.2	<p>- Hiểu và biết vận dụng các kiến thức về động học và lực để giải được các bài toán phân tích động học, phân tích lực cơ cấu:</p> <p>+ Giải được bài toán vận tốc và gia tốc bằng phương pháp họa đồ véc tơ.</p> <p>+Giải được bài toán tính áp lực khớp và lực trên khâu dẫn</p> <p>- Phân tích được lực ma sát trong khớp động và tính toán được ma sát ở một số khớp động thường dùng và cách tính hiệu suất với một số trường hợp cụ thể</p>		3.0
1.5.8.3	Hiểu được một số vấn đề cơ bản về động lực học của của cơ cấu máy. Phân tích tính toán được một số thông số: Tính được các đại lượng thay thế, vận tốc thực, làm đều chuyển động của máy		3.0
1.5.8.4	<p>Hiểu và áp dụng được để tính toán và phân tích một số thông số cơ bản của cơ cấu bánh răng phẳng: tỷ số truyền , biên dạng răng, điều kiện ăn khớp của cặp bánh răng thân khai, các thông số chế tạo cơ bản của bánh</p> <p>Nắm vững được các loại hệ bánh răng và cách tính tỷ số truyền của từng hệ bánh răng</p> <p>Hiểu và áp dụng tính toán được về động học, động lực học cơ cấu cam</p> <p>Hiểu được các bài toán cơ bản của cân bằng máy</p>		3.0
1.5.8.5	Có kỹ năng làm việc theo nhóm và thuyết trình		3.0
1.5.9	Lý thuyết cánh	K1, 3f	3.0

1.5.9.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý thuyết cánh làm cơ sở để khảo sát đánh giá, khai thác vận hành, tính toán lựa chọn các máy cánh dẫn gồm bơm nước, tuabin nước, quạt công nghiệp, máy nén khí, tua bin khí, các thiết bị truyền động thủy động như khớp nối và biến tốc thủy lực...		2.5
1.5.9.2	Trau dồi kỹ năng tranh luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm		3.0
1.5.10	Công nghệ chế tạo máy	K1, 3f	3.0
1.5.10.1	Các khái niệm cơ bản trong gia công chế tạo máy; các tính chất đặc trưng của chất lượng bề mặt chi tiết khi gia công; Các tiêu chí đánh giá độ chính xác gia công, các phương pháp để đạt độ chính xác gia công; Nguyên tắc chọn chuẩn khi gia công chế tạo các chi tiết máy		3.0
1.5.10.2	Bản chất, khả năng công nghệ và cách thực hiện của các phương pháp gia công trong chế tạo máy, biện pháp công nghệ để nâng cao chất lượng gia công		3.0
1.5.10.3	Thiết kế quy trình chế tạo chi tiết máy nói chung và quy trình chế tạo một số chi tiết máy điển hình nói riêng		3.0
1.5.11	Dao động và động lực học máy	K1, 3a	3.0
1.5.11.1	Cung cấp kiến thức về các thuật ngữ, khái niệm, phân loại của dao động kỹ thuật.		3.0
1.5.11.2	Hiểu và nắm vững các kiến thức và khả năng nhận biết, phân tích và đánh giá các dao động hệ trục.		3.0
1.5.11.3	Hiểu và nắm vững các kiến thức liên quan về động lực học máy.		2.5
1.5.11.4	Có khả năng đưa ra biện pháp giám sát và xử lý dao động.		3.0
1.5.12	Kỹ năng mềm 1	S5, K1, 3a	3.5
1.5.12.1	Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp như khái niệm, các yếu tố cấu thành quá trình giao tiếp, phân loại hoạt động giao tiếp, các phong cách trong giao tiếp; Vận dụng được các kỹ năng đặt câu hỏi, lắng nghe... vào thực tiễn.		3.0
1.5.12.2	Hiểu được các khái niệm, tầm quan trọng của thuyết trình, các bước chuẩn bị thuyết trình; Xây dựng phong cách thuyết trình lôi cuốn.		3.5
1.5.12.3	Hiểu rõ vai trò của làm việc nhóm, các giai đoạn hình thành và		3.5

	phát triển của nhóm, các tiêu chí đối với một nhóm làm việc hiệu quả; Có các kỹ năng cần thiết khi tham gia làm việc nhóm.		
1.5.13	Kỹ năng mềm 2	K1, 3a	3.5
1.5.13.1	Có khả năng xác định được mục tiêu nghề nghiệp cho bản thân, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động		3.0
1.5.13.2	Nắm vững quy trình tuyển dụng, cách lập hồ sơ ứng tuyển (bao gồm Đơn ứng tuyển, CV, các loại giấy tờ cần thiết khác...), phương pháp gửi hồ sơ trực tiếp và trực tuyến v.v...		3.5
1.5.13.3	Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tự tin trả lời phỏng vấn. Thông qua việc chuẩn bị hình thức, tâm lý, nội dung trả lời, ứng viên gây ấn tượng tốt với nhà tuyển dụng;		3.5
1.5.13.4	Hiểu được những quy tắc trong công việc, từ đó có cách quản lý thời gian, sắp xếp công việc một cách hợp lý.		3.5
1.5.14	Kỹ thuật vi điều khiển	K1, 3f	3.5
1.5.14.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về kỹ thuật vi điều khiển, bao gồm khái niệm về hệ vi xử lý, vi điều khiển; Xây dựng sơ đồ nguyên lý ghép nối vi điều khiển với các thiết bị ngoại vi; Viết chương trình điều khiển cho hệ vi điều khiển		3.5
1.5.14.2	Một số kỹ năng và phẩm chất cá nhân: Biết cách nêu các giải pháp và khuyến nghị		2.5
1.5.14.3	Hiểu và áp dụng kỹ năng giao tiếp: giao tiếp điện tử/ đa truyền thông		3.0
1.5.14.4	Một số năng lực thực hành nghề nghiệp: Nhận thức được những lợi ích mang lại trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng kiến thức trong thiết kế, biết về quy trình triển khai hệ thống điều khiển (phần mềm), biết cách tích hợp phần cứng và phần mềm.		3.0
1.5.15	Tua bin khí	K1, 3f	2.0
1.5.15.1	Nắm được lịch sử phát triển tuabin, nguyên lý hoạt động, ưu nhược và phân loại tuabin khí tàu thủy		2.0
1.5.15.2	Hiểu và giải thích được các quá trình trong chu trình công tác của tua bin khí.		2.0
1.5.15.3	Hiểu và nắm rõ kết cấu và nguyên lý hoạt động của các thành phần trong tuabin khí tàu thủy.		2.0

1.5.15.4	Hiểu và giải thích được chức năng, thành phần, yêu cầu và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trong tuabin khí tàu thủy		2.0
1.5.15.5	Nắm được quy trình khai thác và sửa chữa tuabin khí trên tàu thủy.		2.0
1.5.16	Hệ thống trạm bơm và trạm thủy điện	K1, 3a	3.0
1.5.16.1	Áp dụng kiến thức về bơm để lựa chọn bơm phù hợp với hệ thống bơm		2.5
1.5.16.2	Mô tả các chức năng và ứng dụng của các trạm bơm		3.0
1.5.16.3	Phân tích chức năng các thiết bị chính của trạm bơm		3.0
1.5.16.4	Mô tả các chức năng và ứng dụng trạm thủy điện		3.0
1.5.16.5	Phân tích chức năng các thiết bị chính trong trạm thủy điện		3.0
1.5.16.6	Phân tích các thiết bị		3.0
1.5.17	Động cơ đốt trong	K1, 3f	3.0
1.5.17.1	Áp dụng kiến thức chuyên môn về động cơ đốt trong để phân biệt các loại động cơ đốt trong		2.5
1.5.17.2	Phân tích cấu tạo, nguyên lý hoạt động, kết cấu các chi tiết, hệ thống phục vụ động cơ xăng và động cơ diesel		3.0
1.5.17.3	Phân tích, giải thích và đánh giá các thông số kinh tế, kỹ thuật của động cơ đốt trong		3.0
1.5.17.4	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về chu trình công tác của động cơ đốt trong		3.0
1.5.18	Khai thác hệ thống thủy khí	K5, 3f	3.0
1.5.18.1	Vận hành, khai thác các hệ thống thủy khí để đảm bảo các hệ thống thủy lực, khí nén		3.0
1.5.18.2	Phân tích được nguyên nhân trực tiếp và đưa ra các lưu ý trong quá trình khai thác để giảm các trục trặc đó		3.0
1.5.18.3	Kỹ năng làm việc nhóm và nhận diện/ tranh luận/ giải quyết vấn đề		3.0
1.5.18.4	Khả năng sử dụng kiến thức đã học vào giải quyết công việc thiết kế, lắp đặt, vận hành một cách độc lập		3.0
1.5.19	Toán ứng dụng	K1, 3f	3.0
1.5.19.1	Vận dụng để giải các bài toán xác suất về biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0

1.5.19.2	Vận dụng để giải các bài toán thống kê về lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.5.19.3	Vận dụng để giải các bài toán xác định đa thức nội suy, các bài toán xác định tham số dựa vào phương pháp bình phương bé nhất và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.5.20	Hóa kỹ thuật	K1, 3a	3.0
1.5.20.1	Hiểu được những kiến thức hóa học cơ bản; các quá trình ăn mòn vật liệu và biện pháp bảo vệ; các kiến thức về dầu, mỡ, nước sử dụng cho động cơ.		3.0
1.5.20.2	Áp dụng các kiến thức đã học để triển khai thực hành các bài thí nghiệm tại phòng thí nghiệm		3.0
1.5.21	Cơ chất lỏng	K1, 3a	3.0
1.5.21.1	- Hiểu được các khái niệm về mở đầu môn học cơ chất lỏng, phân loại lực trong cơ học chất lỏng, tenxơ ứng suất, phương trình chuyển động theo ứng suất. Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: - Bài toán tính áp lực thủy tĩnh tác dụng lên hình phẳng - Bài toán tính áp lực thủy tĩnh tác dụng lên mặt cong. - Vận dụng định luật Acsimét, Bài toán cân bằng ổn định của vật nổi trên mặt thoáng chất lỏng.		3.0
1.5.21.2	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: - Bài toán động lực học của của chất lỏng lý tưởng. Biết cách vận dụng phương trình Becnoulit đối với chất lỏng lý tưởng để tính toán. - Bài toán động lực học đối với chất lỏng thực. Biết cách vận dụng phương trình Becnoulit đối với chất lỏng thực cho toàn dòng để tính toán. - Biết cách vận dụng phương trình liên tục dạng hữu hạn.		3.0
1.5.21.3	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: Các bài toán tính toán động lực học dòng chảy trong ống ngắn. Tính toán thủy lực với đường ống xiphông, tính toán thủy lực với đường ống của máy bơm.		3.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP, VÀ PHẨM CHẤT		

2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Phát hiện và nêu vấn đề	S1	3.0
2.1.1.1	Phát hiện được các vấn đề hoặc điểm không phù hợp		3.0
2.1.1.2	Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng		3.0
2.1.2	Tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề	S1	3.0
2.1.2.1	Hiểu được nguồn gây ra vấn đề hoặc sự không phù hợp		3.0
2.1.2.2	Phân tích được mức độ tác động của từng nguồn vào vấn đề hoặc sự không phù hợp		3.0
2.1.3	Phân tích vấn đề từ nhiều quan điểm khác nhau	S1	3.0
2.1.3.1.	Hiểu được các khuynh hướng, biên độ, giới hạn		3.0
2.1.3.2.	Phân tích được nguồn và tác động của vấn đề hoặc sự không phù hợp từ nhiều khía cạnh		3.0
2.1.4	Các giải pháp và khuyến nghị	S2	3.0
2.1.4.1	Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu		2.0
2.1.4.2	Phát hiện các khác biệt trong các kết quả		3.0
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	Tư duy toàn cục	C3	3.0
2.2.1.1	Hiểu được hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần của hệ thống		2.0
2.2.1.2	Giải thích được yếu tố đóng vai trò chính yếu trong toàn bộ hệ thống		3.0
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	C3	3.0
2.2.2.1	Phát hiện tất cả các yếu tố khách quan và chủ quan liên quan đến toàn hệ thống		2.0
2.2.2.2	Giải thích được các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống		3.0
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.3.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	S2	3.0
2.3.1.1	Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả		2.0
2.3.1.2	Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê		3.0
2.3.1.3	Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu		3.0
2.3.2	Tư duy suy xét	S2	3.0
2.3.2.1	Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện		2.0
2.3.2.2	Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp		3.0

2.3.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	S2	3.0
2.3.3.1	Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên		2.0
2.3.3.2	Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện		3.0
2.3.4	Quản lý thời gian		3.0
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.4.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	C3	3.0
2.4.1.1	Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân		2.0
2.4.1.2	Cho thấy tính trung thực		3.0
2.4.2	Hành xử chuyên nghiệp	C3	3.0
2.4.2.1	Cho thấy phong cách chuyên nghiệp		3.0
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	C2	3.0
3.1.1.1	Tổ chức các nhóm học tập nhỏ trong kì học, xác định công việc cần làm, phân bố thời gian và định hướng công việc.		3.0
3.1.1.2	Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của các thành viên trong nhóm và của cả nhóm		3.0
3.1.2	Hoạt động nhóm	C1	3.0
3.1.2.1	Lập kế hoạch cho những công việc cần làm, phân chia công việc phù hợp với khả năng của từng thành viên		2.0
3.1.2.2	Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động). Kết quả được đánh giá bằng bài thu hoạch		3.0
3.1.2.3	Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả để giải quyết những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình hoạt động nhóm		3.0
3.2	Giao tiếp		
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	S3	3.0
3.2.1.1	Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy		2.0
3.2.1.2	Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp		3.0
3.2.1.3	Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word		3.0
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	S3	4.0
3.2.2.1	Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử		3.0

3.2.2.2	Biết cách viết email (gửi và phản hồi) để truyền tải thông tin và thực hiện, tham gia hội thảo qua video		3.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ (ngoài yêu cầu chung về TOEIC 450, sinh viên cần có)		
3.3.1	Kỹ năng nghe	S6	3.0
3.3.1.1	Hiểu được những điểm chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập và giải trí ...		2.0
3.3.1.2	Hiểu được những điểm chính của các chương trình phát thanh hoặc truyền hình liên quan đến công việc hiện tại hoặc các vấn đề liên quan đến cá nhân, đến nghề nghiệp quan tâm khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng		3.0
3.3.2	Kỹ năng đọc	S6	3.0
3.3.2.1	Hiểu được các văn bản có lối diễn đạt căn bản thường gặp hoặc liên quan đến công việc		3.0
3.3.2.2	Hiểu được các diễn tả về sự kiện, cảm xúc và ước muốn trong thư tín cá nhân		3.0
3.3.3	Kỹ năng nói	S6	3.0
3.3.3.1	Có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp		3.0
3.3.3.2	Có thể xử lý những trao đổi xã hội ngắn, và có thể sử dụng một loạt các cụm từ và câu để miêu tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, học vấn và công việc		3.0
3.3.4	Kỹ năng viết	S6	3.0
3.3.4.1	Có thể viết mạch lạc những vấn đề quen thuộc hoặc những đề tài quan tâm		3.0
3.3.4.2	Có thể viết thư để diễn tả các trải nghiệm và ấn tượng cá nhân		3.0
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	Bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư	C3	3.0
4.1.1.1	Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề		2.0
4.1.1.2	Xác định các trách nhiệm của kỹ sư đối với xã hội và một tương		3.0

	lai bền vững		
4.1.2	Bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu hoá	C1	3.0
4.1.2.1	Tìm hiểu bối cảnh lịch sử và sự đa dạng văn hóa liên quan đến các hoạt động/ vấn đề/ công nghệ, phân biệt được bản chất của sự đa dạng		2.0
4.1.2.2	Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động / vấn đề/ công nghệ		3.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S1	3.0
4.2.1.1	Xác định sự khác biệt giữa các nền văn hóa và thước đo thành công trong các doanh nghiệp ở các nền văn hóa khác nhau		2.0
4.2.1.2	Tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau		3.0
4.2.2	Các bên liên quan	S1	3.0
4.2.2.1	Xác định các bên liên quan		2.0
4.2.2.2	Xác định nghĩa vụ và quyền hạn của các bên liên quan		3.0
4.3	Hình thành ý tưởng		
4.3.1.	Thiết lập mục tiêu của các hệ thống tự động	C4	3.0
4.3.1.1	Hiểu được nhu cầu của khách hàng, thị trường và những đòi hỏi khách quan khác		2.0
4.3.1.2	Xác định được các thông số đầu vào và yêu cầu của hệ thống		3.0
4.3.1.3	Khảo sát các cơ hội và phương án thực hiện		3.0
4.3.1.4	Tổng hợp và đánh giá được ưu nhược điểm của các công nghệ, quy trình, hệ thống có sẵn		3.0
4.3.2.	Xác định các chức năng của hệ thống tự động	C4	3.0
4.3.2.1	Xác định những chức năng cần có của hệ thống		2.0
4.3.2.2	Xác định các đặc tính hoạt động và nguyên lý hoạt động của hệ thống		3.0
4.3.2.3	Phân tách hệ thống thành các mô đun và phân nhiệm cho từng mô đun		4.0
4.3.3.	Xác định các thủ tục pháp lý liên quan tới các hệ thống tự động	C4	3.0
4.3.3.1	Hiểu được các mục tiêu, chiến lược, các quy định pháp lý có liên quan tới ý tưởng được đề xuất		3.0
4.3.3.2	Đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống với các yêu cầu pháp lý hiện có		3.0

4.3.4.	Quản lý phát triển dự án	C4	3.0
4.3.4.1	Kiểm soát dự án đảm bảo chi phí, hiệu suất và tiến độ		2.0
4.3.4.2	Phát hiện và xem xét các điểm không phù hợp và các rủi ro		3.0
4.3.4.3	Xem xét các phương án thay thế và những cải tiến có thể áp dụng		3.0
4.4.	Thiết kế		
4.4.1.	Quy trình thiết kế	C4	3.0
4.4.1.1	Xem xét các yêu cầu cho mỗi mô đun của hệ thống		2.0
4.4.1.2	Đề xuất các lựa chọn thay thế trong quá trình thiết kế		3.0
4.4.1.3	Đánh giá các mẫu thử, quy trình, hệ thống trong quá trình phát triển thiết kế		3.0
4.4.1.4	Thiết kế chi tiết cho từng mô đun		3.0
4.4.1.5	Đánh giá sự phù hợp giữa các mô đun để tạo một hệ thống hoàn chỉnh		3.0
4.4.2.	Vận dụng kiến thức trong thiết kế	C4	3.0
4.4.2.1	Hiểu được các nguyên lý về mặt khoa học, kỹ thuật		2.0
4.4.2.2	Thể hiện tư duy sáng tạo và linh hoạt trong quá trình thiết kế		3.0
4.4.2.3	Tham khảo các tiêu chuẩn thiết kế và vận dụng các kinh nghiệm trong thiết kế		3.0
4.4.2.4	Tái sử dụng và tiêu chuẩn hoá trong thiết kế		3.0
4.4.3.	Thiết kế chuyên ngành	C4	3.0
4.4.3.1	Sử dụng được các kỹ thuật, dụng cụ và quy trình phù hợp		2.0
4.4.3.2	Phân tích định lượng các lựa chọn thay thế		3.0
4.4.3.3	Cải tiến phương án thiết kế		3.0
4.4.3.4	Ước lượng chi phí thực hiện phương án thiết kế		3.0
4.5.	Triển khai		
4.5.1.	Lập kế hoạch triển khai	C4	3.0
4.5.1.1	Phân nhiệm nhóm thực hiện từng mô đun của hệ thống theo phương án thiết kế được lựa chọn		2.0
4.5.1.2	Ước lượng tiến độ thực hiện dựa vào điều kiện thực tế		3.0
4.5.1.3	Lập kế hoạch điều động nhân lực, thiết bị, phương tiện trong hoạt động triển khai		3.0
4.5.1.4	Liên hệ các bên liên quan hoạt động triển khai		3.0
4.5.1.5	Lập kế hoạch chi tiêu trong hoạt động triển khai		3.0

4.5.2.	Quy trình triển khai	C4	3.0
4.5.1.1	Thực hiện triển khai từng mô đun theo đúng phương án thiết kế		2.0
4.5.1.2	Kiểm soát việc triển khai từng mô đun theo các quy trình chuẩn, tiêu chuẩn hướng dẫn		3.0
4.5.1.3	Rà soát, đảm bảo tính thống nhất và khả năng tích hợp của các mô đun trong tổng thể hệ thống, công trình		3.0
4.5.3.	Thử nghiệm, kiểm tra, thẩm định và chứng nhận	C4	3.0
4.5.3.1	Hiểu được các tiêu chí đánh giá bao gồm các yêu cầu của hệ thống tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng		2.0
4.5.3.2	Thực hiện các bước thử nghiệm, kiểm tra, thẩm định và chứng nhận để khẳng định hiệu quả, mức độ đáp ứng của hệ thống so với yêu cầu		3.0
4.5.3.3	Lưu trữ và truy xuất các minh chứng của việc thử nghiệm, kiểm tra, thẩm định và chứng nhận		3.0
4.5.4.	Quản lý quá trình triển khai	C4	3.0
4.5.4.1	Đánh giá các nguồn cung cấp		2.0
4.5.4.2	Đánh giá các nhà thầu hoặc đơn vị, cá nhân thực hiện		3.0
4.5.4.3	Kiểm soát chi phí, an toàn, sức khỏe, tác động môi trường trong quá trình triển khai		3.0
4.5.4.4	Đảm bảo và kiểm soát chất lượng trong quá trình triển khai		3.0
4.6.	Vận hành		
4.6.1.	Tối ưu hoá và cải tiến quá trình vận hành	C1	3.0
4.6.1.1	Diễn giải các mục tiêu và đo lường tính năng hoạt động, chi phí và giá trị của vận hành		2.0
4.6.1.2	Giải thích cấu trúc và phát triển quy trình vận hành		3.0
4.6.1.3	Đề xuất được các giải pháp cải tiến những điểm hạn chế của hệ thống		3.0
4.6.2.	Huấn luyện vận hành	C1	3.0
4.6.2.1	Mô tả việc huấn luyện để vận hành chuyên nghiệp		2.0
4.6.2.2	Hiểu được vai trò của việc vận hành theo đúng quy trình chuẩn		2.0
4.6.2.3	Mô tả được các quy trình vận hành		3.0
4.6.2.4	Nhận biết các sự tương tác của quy trình vận hành		3.0
4.6.3.	Cải tiến và phát triển hệ thống	C2	3.0
4.6.3.1	Xác định sự cải tiến được hoạch định trước		2.0

4.6.3.2	Nhận biết các cải tiến dựa trên các nhu cầu nhận thấy được từ việc vận hành		2.0
4.6.3.3	Nhận biết sự tiến triển trong việc nâng cấp hệ thống		3.0
4.6.3.4	Nhận biết các cải tiến, giải pháp để xử lý các trường hợp bất ngờ xảy ra từ hệ thống		3.0
4.6.4.	Xử lý hệ thống sau vòng đời	C2	3.0
4.6.4.1	Nhận biết các vấn đề có thể xảy ra vào cuối vòng đời của hệ thống		2.0
4.6.4.2	Xem xét các giá trị còn lại của hệ thống vào cuối vòng đời		2.5
4.6.4.3	Cân nhắc các lựa chọn để đào thải hoặc tái sử dụng, tái chế		3.0
4.6.4.4	Cân nhắc về môi trường cho việc đào thải		3.0
4.6.5.	Quản lý vận hành	C2	3.0
4.6.5.1	Đảm bảo vận hành theo đúng quy trình chuẩn		2.0
4.6.5.2	Kiểm soát chi phí vận hành, tính năng và hiệu quả của hệ thống		2.5
4.6.5.3	Đảm bảo và kiểm soát chất lượng trong quá trình vận hành		3.0
4.6.5.4	Thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn về Môi trường - Sức khỏe - An toàn		3.0
4.6.5.5	Theo dõi và giám sát vòng đời của hệ thống		

Tham khảo: Đoàn Thị Minh Trinh, Nguyễn Hội Nghĩa, Hướng dẫn thiết kế và phát triển Chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2013

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. Có biết hoặc trải qua			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục

4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau tốt nghiệp có thể công tác tại:

- Các viện nghiên cứu và thiết kế về: Tự động công nghiệp, cơ khí động lực, tự động hóa, năng lượng điện, năng lượng tái tạo, các dây chuyền sản xuất công nghiệp.
- Các cơ sở đào tạo (đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và nghề).
- Các nhà máy sản xuất công nghiệp; các nhà máy cơ khí;
- Các giàn khoan thăm dò dầu khí, các dịch vụ dầu khí.
- Các sở, phòng, ban khoa học – công nghệ;

Các công việc có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp:

- Vận hành và bảo dưỡng các dây chuyền tự động sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp.
- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong các nhà máy thủy điện, nhiệt điện.
- Thiết kế các hạng mục tự động thủy khí và cơ khí.
- Tổ chức sản xuất và quản lý, điều hành, giám sát quá trình công nghệ.
- Thiết lập và xây dựng dự án kỹ thuật cơ khí, các dây chuyền sản xuất cho các nhà máy sản xuất công nghiệp.
- Tư vấn kỹ thuật, thẩm định, đánh giá các dự án và thiết kế ngành cơ khí động lực.
- Lập, quản lý và thực hiện các dự án chế tạo, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa các hệ thống, thiết bị trong các nhà máy công nghiệp và các lĩnh vực cơ khí khác.
- Đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành cơ khí động lực.
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển chuyên môn và năng lực quản lý, thực hành.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần

của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Quy đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 TC.

+ **Khối kiến thức bắt buộc 102 TC**

a. *Khối kiến thức giáo dục đại cương: 19 TC.*

b. *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 77 TC.*

- Kiến thức cơ sở ngành: 32 TC.

- Kiến thức chuyên ngành (trừ tốt nghiệp): 45 TC.

- Kiến thức tốt nghiệp: 6 TC.

c. *Đồ án tốt nghiệp: 6 TC.*

+ *Hoặc học phần thay thế TN: 6 TC.*

+ *Kiến thức tự chọn 21 TC*

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			12				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			27				
1	18120	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematic</i>	4	1.1.1	3.0	1	
2	18201	Vật lý 1 <i>Physics I</i>	3	1.1.2	3.0	1	
3	19106	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin I <i>Basic principles of Marxism-Leninism I</i>	2	1.2.1	2.5	1	
4	19109	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin II <i>Basic principles of Marxism-Leninism II</i>	3	1.2.2	3.0	2	19106
5	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	1.2.3	3.0	3	19106
6	19301	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary strategies of Vietnam Communist Party</i>	3	1.2.4	3.5	4	19201
7	11401	Pháp luật đại cương <i>General Laws</i>	2	1.2.5	3.0	1	19106
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			32				
8	12113	Nhập môn về kỹ thuật	2	1.3.1	3.0	1	
9	18401	Cơ lý thuyết <i>Engineering Mechanics</i>	3	1.3.2	3.0	2	
10	18304	Hình họa – Vẽ kỹ thuật <i>Descriptive Geometry- Technical Drawing</i>	2	1.3.3	3.0	2	
11	13476	Kỹ thuật điện	3	1.3.4	3.5	4	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
		<i>Electric Techniques</i>					
12	13252	Kỹ thuật điện tử <i>Electronic techniques</i>	2	1.3.5	2.0	4	
13	12101	Nhiệt kỹ thuật <i>Thermodynamic and heat transfer</i>	3	1.3.6	3.0	3	
14	12402	Kỹ thuật thủy khí <i>Fluid Mechanics</i>	3	1.3.7	3.0	4	
15	12401	Lý thuyết điều khiển tự động <i>Theory of automatic control</i>	3	1.3.8	3.0	4	
16	22501	Vật liệu kỹ thuật <i>Material technology</i>	3	1.3.9	3.0	2	
17	22502	Kỹ thuật gia công cơ khí <i>Technical of mechanical processing</i>	3	1.3.10	3.0	3	
18	18502	Sức bền vật liệu 1 <i>Strength of Materials 1</i>	3	1.3.11	3.5	3	
19	20101	Thực tập cơ khí <i>Mechanical training</i>	2	1.3.12	3.0	3	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			45				
20	12404	Bơm, quạt, máy nén <i>Pumps, fans and compressor</i>	3	1.4.1	3.0	6	
21	13160	Truyền động điện và điện tử công suất <i>Electrical driven and electronic power</i>	3	1.4.2	3.0	6	
22	12405	Truyền động khí nén <i>Pneumatic transmission</i>	3	1.4.3	3.0	5	
23	13114	Máy điện-thiết bị điện <i>Electric machine and equipment</i>	3	1.4.4	3.5	5	
24	12406	Truyền động thủy lực <i>Hydraulic Transmission</i>	4	1.4.5	3.0	5	
25	12407	Thiết kế hệ thống thủy lực khí nén <i>Pneumatic-Hydraulic system design</i>	3	1.4.6	3.0	7	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
26	12408	Hệ thống điều khiển tự động thủy lực <i>Automation Control Systems</i>	3	1.4.7	3.0	6	
27	12409	Bảo trì hệ thống thủy khí <i>Maintenance of fluid power systems</i>	4	1.4.8	2.5	7	
28	13364	Ứng dụng PLC để ĐK các hệ thống thủy khí <i>PLC application for controlling fluid system</i>	3	1.4.9	3.5	7	
29	12410	Kỹ thuật đo lường <i>Measurement Techniques</i>	2	1.4.10	3.0	6	
30	25419	Tiếng Anh chuyên ngành MTDCN <i>Specialised English in fluid power automation</i>	3	1.4.11	3.0	5	
31	12415	Nguyên tắc an toàn trong công nghiệp <i>Safety regulations in industry</i>	3	1.4.12	3.0	7	
32	12411	Động lực học hệ thống khí - thủy lực <i>Fluid power system dynamics</i>	2	1.4.13	3.0	6	
33	12412	Robot công nghiệp <i>Industrial robot</i>	2	1.4.14	3.0	5	
34	12517	Thực tập tốt nghiệp (6 tuần) <i>Graduation Training</i>	4	1.4.15	3.0	8	
ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP			6				
35	12418	Đồ án tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	6	1.4.16	3.0	8	
HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP			6				
36	12416	Động cơ đốt trong <i>Internal combustion engine</i>	3	1.5.17	3.0	8	
37	12414	Khai thác hệ thống thủy khí <i>Fluid power system operation</i>	3	1.5.18	3.0	8	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			59				
38	25101	Anh văn cơ bản 1 <i>General English 1</i>	3	1.5.1	2.5	1	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
39	25102	Anh văn cơ bản 2 <i>General English 2</i>	3	1.5.2	3.0	2	
40	25103	Anh văn cơ bản 3 <i>General English 3</i>	3	1.5.3	3.5	3	
41	17102	Tin học văn phòng <i>Microsoft Office</i>	3	1.5.4	3.0	6	
42	12417	Tin học chuyên ngành MTDCN <i>Fluid Power Applications of Information Technology</i>	3	1.5.5	3.0	6	
43	26101	Môi trường & bảo vệ môi trường <i>Environment and Environmetal protection</i>	2	1.5.6	3.0	2	
44	15402	Quản trị doanh nghiệp <i>Business management</i>	3	1.5.7	3.0	1	
45	22411	Nguyên lý máy 1 <i>Principle of Machine</i>	2	1.5.8	3.0	4	
46	12403	Lý thuyết cánh <i>Theory of the impeller</i>	3	1.5.9	3.0	3	
47	12306	Công nghệ chế tạo máy <i>Manufacturing Technology</i>	2	1.5.10	3.0	4	18302
48	12301	Dao động và động lực học máy <i>Vibrations and Dynamics of Machinery</i>	2	1.5.11	3.0	4	
49	29101	Kỹ năng mềm 1 <i>Soft skills 1</i>	2	1.5.12	3.5	2	
50	29102	Kỹ năng mềm 2 <i>Soft skills 2</i>	2	1.5.13	3.5	5	
51	13305	Kỹ thuật vi điều khiển <i>Micro-processor</i>	3	1.5.14	3.5	6	
52	12112	Tua bin khí <i>Gas turbine</i>	2	1.5.15	2.0	5	
53	12413	Hệ thống trạm bơm và trạm thủy điện	3	1.5.16	3.0	6	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
		<i>Pump system and water power plant</i>					
54	26206	Toán ứng dụng <i>Applied Mathematic</i>	34	1.5.19	3.0	2	
55	26206	Hóa kỹ thuật <i>Engineering Chemistry</i>	3	1.5.20	3.0	3	
56	18404	Cơ chất lỏng <i>Fluid mechanics</i>	3	1.5.21	3.0	3	

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	TC	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																																							
				2.1				2.2		2.3				2.4		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3				4.4			4.5				4.6				
				1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	5				
1	12113	Nhập môn về kỹ thuật	2																		IU	TU																					
1	19106	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	2																																								
1	18120	Toán cao cấp	4																																								
1	18201	Vật lý 1	3																																								
1	11401	Pháp luật đại cương	2																																								
1	25101	Tiếng Anh cơ bản 1	3																																								
1	28214	Quản trị doanh nghiệp	3																																								
2	19109	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin II	3																																								
2	22501	Vật liệu kỹ thuật	3																																								
2	18304	Hình họa- Vẽ kỹ thuật	3																																								
2	18410	Cơ lý thuyết	3																																								
2	25102	Tiếng Anh cơ bản 2	3																																								
2	18131	Toán ứng dụng	3																																								
2	26101	Môi trường & bảo vệ	2																																								

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	TC	Chủ đề CDR và các TĐNL được phân bổ cho học phần																																							
				2.1				2.2		2.3				2.4		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3				4.4			4.5				4.6				
				1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	5			
		môi trường																																									
2	29101	Kỹ năng mềm 1	2																																								
3	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																																								
3	12101	Nhiệt kỹ thuật	3																																								
3	22502	Kỹ thuật gia công cơ khí	3																																								
3	18502	Sức bền vật liệu 1	3																																								
3	20101	Thực tập cơ khí	2																																								
3	25103	Anh văn cơ bản 3	3																																								
3	18404	Cơ chất lỏng	3																																								
3	26206	Hóa kỹ thuật	3																																								
3	12403	Lý thuyết cánh	3					TU 3																																			
4	19301	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3																																								
4	12402	Kỹ thuật thủy khí	3			TU 3	TU 3																																				
4	13476	Kỹ thuật điện	3																																								

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	TC	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																																									
				2.1				2.2		2.3				2.4		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3				4.4			4.5					4.6					
				1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	5					
4	13252	Kỹ thuật điện tử	2																																										
4	12401	Lý thuyết điều khiển tự động	3	TU	TU																																								
				3	3																																								
4	12306	Công nghệ chế tạo máy	2																																										
4	22611	Nguyên lý máy 1	2																																										
4	12301	Dao động và động lực học máy	2																																										
5	12406	Truyền động thủy lực	4																																										
5	12405	Truyền động khí nén	3																																										
5	13114	Thiết bị điện	3																																										
5	25419	Tiếng Anh chuyên ngành MTDCN	3																																										
5	12412	Robot công nghiệp	2																																										
5	29102	Kỹ năng mềm 2	2																																										
5	12112	Tua bin khí	2																																										
6	12410	Kỹ thuật đo lường	2																																										
6	12408	Hệ thống điều khiển tự động thủy lực	3																																										

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	TC	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																																							
				2.1				2.2		2.3				2.4		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3				4.4			4.5				4.6				
				1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	1	2	3	4	1	2	1	2	3	4	1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	5				
6	13160	Truyền động điện và điện tử công suất	3																																								
6	12404	Bơm, quạt, máy nén	3							TU 3																																	
6	12411	Động lực học hệ thống thủy lực	2																																			TU 3	TU 3				
6	12413	Hệ thống bơm và trạm thủy điện	3																																								
6	13305	Kỹ thuật vi điều khiển	3																																								
6	12417	Tin học chuyên ngành MTDCN	3																																								
7	13364	Ứng dụng PLC ĐK các hệ thống thủy khí	3																																								
7	12409	Bảo trì hệ thống thủy khí	3																																								
7	12407	Thiết kế hệ thống thủy lực khí nén	3																																								
7	12416	Nguyên tắc an toàn thủy khí	3																																								
8	12517	Thực tập tốt nghiệp (06 tuần)	4																																								

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	12113	Nhập môn về kỹ thuật	2	30				III	
2	19106	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	2	20	20			I	
3	18120	Toán cao cấp	4	60				I	
4	18203	Vật lý 1	3	45				I	
5	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
Tự chọn									
6	25101	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45				I	
7	28214	Quản trị doanh nghiệp	3						

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	19109	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin II	3	35	20			I	19106
2	22501	Vật liệu kỹ thuật	3	40	10			I	
3	18304	Hình họa- vẽ kỹ thuật	3	45				I	
4	18410	Cơ lý thuyết	3	45				I	18124
Tự chọn									
5	25102	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45				I	
6	26206	Toán ứng dụng	3	45				I	18124
7	26101	Môi trường & bảo vệ môi trường	2	30				I	
8	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	

Học kỳ III

TT	Mã	Tên học phần	TC	LT	TH/ BTL	ĐA	Loại	HP
----	----	--------------	----	----	------------	----	------	----

	HP				XM			HP	học trước
Bắt buộc			13						
1	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19106
2	12101	Nhiệt kỹ thuật	3	45				I	
3	22502	Kỹ thuật gia công cơ khí	3	40	10				
4	18502	Sức bền vật liệu 1	3	42	6			I	
5	20101	Thực tập cơ khí	2	15	75			II	
Tự chọn									
6	25103	Anh văn cơ bản 3	3	45				I	
7	18404	Cơ chất lỏng	3	45					
8	26206	Hóa kỹ thuật	3	40	10			I	
9	12403	Lý thuyết cánh	3	45				I	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	19301	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	35	20			I	19201
2	12402	Kỹ thuật thủy khí	3	45				I	
3	13476	Kỹ thuật điện	3	45				I	
4	13252	Kỹ thuật điện tử	2	30				I	
5	12401	Lý thuyết điều khiển tự động	3	40	10			I	
Tự chọn									
6	12306	Công nghệ chế tạo máy	2	30				I	
7	22611	Nguyên lý máy 1	2	30				I	
8	12301	Dao động và động lực học máy	2	30				I	

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	12406	Truyền động thủy lực	4	35	20	X		I	
2	12405	Truyền động khí nén	3	40	10			I	

3	13114	Thiết bị điện	3	40	10			I	
4	25419	Tiếng Anh chuyên ngành MTDCN	3	45				I	
5	12412	Robot công nghiệp	2	25	10			I	
Tự chọn									
7	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
8	12112	Tua bin khí	2	25	10			I	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	12410	Kỹ thuật đo lường	2	25	10			I	
2	12408	Hệ thống điều khiển tự động thủy lực	3	40	10			I	
3	13160	Truyền động điện và điện tử công suất	3	40	10			I	
4	12404	Bơm, quạt, máy nén	3	35	20			I	
5	12411	Động lực học hệ thống thủy lực	2	30				I	
Tự chọn									
7	12413	Hệ thống trạm bơm và trạm thủy điện	3	40	10			I	
8	13305	Kỹ thuật vi điều khiển	3	40	10			I	
9	12417	Tin học chuyên ngành MTDCN	3	35	20			I	

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	13364	Ứng dụng PLC ĐK các hệ thống thủy khí	3	40	10			I	
2	12409	Bảo trì hệ thống thủy khí	3	40	10			I	
3	12407	Thiết kế hệ thống thủy lực- khí nén	3	25	10	X		I	
4	12416	Nguyên tắc an toàn thủy khí	3	45				I	

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			10						
1	12517	Thực tập tốt nghiệp (06 tuần)	4		200			II	
2	12418	Đồ án tốt nghiệp	6					I	
Thay thế tốt nghiệp			6						
3	12415	Động cơ đốt trong	3	39	12			I	
4	12414	Khai thác hệ thống thủy khí	3	35	20			I	

Ghi chú: Khi kết thúc chương trình đào tạo sinh viên phải hoàn thành 18TC tự chọn trong tổng số các học phần tự chọn của chương trình (trừ học phần tốt nghiệp).

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần